

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LÒNG TỰ TRỌNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Hồng Đào, Phạm Ngọc Linh  
Email: phamngocling.vya@gmail.com

**Tóm tắt:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng lòng tự trọng và các yếu tố ảnh hưởng ở HS trung học phổ thông (THPT). Khảo sát được tiến hành trên mẫu gồm 206 HS tại 03 trường THPT trên địa bàn thành phố Hải Phòng sử dụng thang đo Lòng tự trọng Rosenberg (RSE). Kết quả cho thấy lòng tự trọng của HS đạt ngưỡng trung bình, trong đó khía cạnh tích cực (ĐTB=1,83) cao hơn khía cạnh tiêu cực (ĐTB=1,70). Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt ý nghĩa thống kê về lòng tự trọng theo giới tính, khối lớp và trường học. Tuy nhiên, phân tích tương quan Pearson chỉ ra rằng lòng tự trọng có mối tương quan thuận với số lượng bạn thân ( $r = 0,200$ ) và tương quan nghịch với trải nghiệm bắt nạt học đường ( $r = -0,243$ ) và xếp loại học tập ( $r = -0,151$ ). Kết quả này nhấn mạnh vai trò của môi trường quan hệ bạn bè lành mạnh và việc ngăn chặn bắt nạt học đường trong việc bồi đắp giá trị tự thân cho HS.

**Từ khóa:** Lòng tự trọng, HS trung học phổ thông, bắt nạt học đường, quan hệ bạn bè.

## FACTORS AFFECTING THE SELF-ESTEEM OF HIGH SCHOOL STUDENTS

**Abstract:** This study aims to investigate the current state of self-esteem and its influencing factors among high school students. A survey was conducted with a sample of 206 students from three high schools in Hai Phong city using the Rosenberg Self-Esteem Scale (RSE). The results indicate that students' self-esteem is at an average level, with positive self-evaluation ( $M=1.83$ ) scoring higher than negative self-evaluation ( $M=1.70$ ). No statistically significant differences in self-esteem were found based on gender, grade level, or school. However, Pearson correlation analysis revealed that self-esteem is positively correlated with the number of close friends ( $r = 0.200$ ) and negatively correlated with school bullying experiences ( $r = -0.243$ ) and academic performance ( $r = -0.151$ ). These findings highlight the crucial role of a healthy peer environment and the prevention of school bullying in fostering students' self-worth.

**Keywords:** Self-esteem, high school students, school bullying, peer relationships.

Nhận bài: 05/03/2026

Phản biện: 27/03/2026

Duyệt đăng: 30/03/2026

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lòng tự trọng (self-esteem) là một khái niệm trung tâm trong tâm lý học, phản ánh cách cá nhân đánh giá giá trị bản thân và ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, cảm xúc và hành vi. Theo Rosenberg (1965), lòng tự trọng thể hiện mức độ cá nhân cảm thấy mình có giá trị và xứng đáng được tôn trọng.

Ở lứa tuổi học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT), đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ về tâm sinh lý và hình thành bản sắc cá nhân. HS thường xuyên đối mặt với áp lực từ học tập, gia đình và đặc biệt là các mối quan hệ bạn bè, khiến lòng tự trọng trở nên dễ biến động. Lòng tự trọng cao giúp HS tự tin, thích ứng tốt; ngược lại, lòng tự trọng thấp có thể dẫn đến lo âu, trầm cảm và hành vi lệch chuẩn.

Các nghiên cứu cho thấy lòng tự trọng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như đặc điểm cá nhân, thành tích học tập và đặc biệt là môi trường xã hội, trong đó mối quan hệ bạn bè và trải nghiệm bắt nạt học đường đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu về chủ đề này còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh môi trường học đường đang có nhiều thay đổi.

Vì vậy, nghiên cứu này nhằm khảo sát thực trạng lòng tự trọng của HS THPT và xác định một số yếu tố ảnh hưởng, làm cơ sở đề xuất các giải pháp hỗ trợ tâm lý học đường hiệu quả.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi nhằm đánh giá mức độ lòng tự trọng của HS trung học phổ thông. Công cụ chính là thang đo Lòng tự trọng Rosenberg (RSE) gồm 10 mục hỏi theo thang Likert 4 mức độ, giúp đo lường cách HS tự đánh giá giá trị bản thân thông qua cả khía cạnh tích cực và tiêu cực. Khảo sát được tiến hành trên 206 HS tại 3 trường THPT ở thành phố Hải Phòng theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Các đối tượng tham gia hoàn toàn tự nguyện, được giải thích rõ mục đích nghiên cứu và đảm bảo tính bảo mật thông tin cá nhân. Mẫu nghiên cứu có sự đa dạng về độ tuổi, giới tính, học lực và hoàn cảnh gia đình, góp phần phản ánh tương đối toàn diện đặc điểm của nhóm HS được khảo sát.

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 23 với các phương pháp thống kê như thống kê mô tả để xác định đặc điểm mẫu, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha nhằm

đánh giá độ ổn định của thang đo, phân tích tương quan Pearson để xem xét mối liên hệ giữa các biến, cùng với kiểm định T-test, ANOVA và hồi quy tuyến tính để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lòng tự trọng của HS. Kết quả kiểm định cho thấy thang đo đạt độ tin cậy với hệ số Cronbach's Alpha là 0,713, đảm bảo phù hợp cho phân tích nghiên cứu.

## 2.2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

### 2.2.1. Thực trạng lòng tự trọng của HS trung học phổ thông

Để tìm hiểu mức độ tự đánh giá giá trị bản thân của HS, nghiên cứu đã tiến hành phân tích điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) trên hai phương diện: Khía cạnh tích cực và khía cạnh tiêu cực. Kết quả chi tiết được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng lòng tự trọng

Cảm nhận của bản thân		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Tự đánh giá tích cực	1. Nhìn tổng thể, em hài lòng với bản thân	1,61	0,611	1,83	0,389
	3. Em cảm thấy rằng em có một số phẩm chất tốt	2,04	0,538		
	4. Em có thể làm việc tốt như hầu hết những người khác	1,93	0,563		
	7. Em cảm thấy mình là một người có giá trị, ít nhất là so với người khác.	1,73	0,577		
	10. Em có thái độ tích cực với bản thân mình.	1,85	0,673		
Tự đánh giá tiêu cực	2. Đôi khi, em không có điểm nào tốt cả	1,75	0,626	1,70	0,427
	5. Em cảm thấy em không có nhiều điểm để tự hào	1,65	0,672		
	6. Đôi khi, em cảm thấy chần chẫn mình là người vô dụng.	1,50	0,800		
	8. Em ước em có thể tôn trọng bản thân em nhiều hơn	2,23	0,622		
	9. Nhìn chung trong tất cả vấn đề, em nghiêng về cảm giác em là người thất bại.	1,38	0,666		

Ghi chú: Rất không đồng ý = 0; Không đồng ý = 1; Đồng ý = 2; Rất đồng ý = 3

Từ kết quả thống kê tại Bảng 1, cho thấy:

Thứ nhất, mức độ lòng tự trọng tổng thể của HS đạt ngưỡng trung bình. Với thang đo từ 0 đến 3, điểm trung bình chung của khía cạnh tích cực (ĐTB=1,83) và tiêu cực (ĐTB=1,70) cho thấy lòng tự trọng của HS THPT trong mẫu nghiên cứu không ở mức quá thấp nhưng cũng chưa thực sự cao. Điều này phản ánh trạng thái tâm lý đặc trưng của lứa tuổi vị thành niên: đang trong quá trình định hình bản sắc, dễ dao động và nhạy cảm với các đánh giá từ môi trường xung quanh.

Thứ hai, khía cạnh lòng tự trọng tích cực cho thấy sự nỗ lực khẳng định giá trị bản thân. HS có xu hướng đánh giá cao nhất: "Em cảm thấy rằng em có một số phẩm chất tốt" (ĐTB = 2,04) và "Em có thể làm việc tốt như hầu hết những người khác" (ĐTB = 1,93). Điều này chứng tỏ phần lớn HS vẫn nhận thức được năng lực thực tế và những giá trị đạo đức tốt đẹp của bản thân. Tuy nhiên,

mức độ hài lòng tổng thể "Nhìn tổng thể, em hài lòng với bản thân" chỉ đạt ĐTB=1,61, cho thấy dù công nhận năng lực nhưng các em vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn với hình ảnh cá nhân hiện tại.

Thứ ba, khía cạnh lòng tự trọng tiêu cực bộc lộ những mâu thuẫn nội tại đáng chú ý. Điểm số cao nhất trong toàn bộ bảng hỏi là "Em ước em có thể tôn trọng bản thân em nhiều hơn" (ĐTB = 2,23). Đây là một chỉ báo tâm lý quan trọng, cho thấy HS có mong muốn nhận ra/ hoặc có kỹ năng để yêu thương, tôn trọng những giá trị của bản thân; các em nhận ra mình cần được trân trọng hơn nhưng chưa tìm được điểm tựa vững chắc để bồi đắp niềm tin đó.

Ngược lại, việc HS "Nhìn chung trong tất cả vấn đề, em nghiêng về cảm giác em là người thất bại" có điểm thấp nhất (ĐTB=1,38). Kết quả này là một tín hiệu khả quan, cho thấy mặc dù còn nhiều lo âu và chưa tự tin, nhưng HS vẫn chưa rơi

vào trạng thái mặc cảm cực đoan hay buông xuôi trước những thất bại tạm thời.

Thứ tư, sự phân hóa trong cảm nhận về sự vô dụng. HS “*Đôi khi, em cảm thấy chắc chắn mình là người vô dụng*” có độ lệch chuẩn cao nhất ( $\text{ĐLC}=0,800$ ). Chỉ số này phản ánh sự phân hóa mạnh mẽ trong nhóm khách thể. Trong khi đa số HS có tâm lý ổn định, vẫn tồn tại một bộ phận HS thường xuyên đối mặt với cảm giác tiêu cực sâu sắc, đây có thể là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của áp lực học đường hoặc hành vi bất nạt.

- *Thực trạng lòng tự trọng của HS THPT theo trường*

Bên cạnh đó, khi so sánh lòng tự trọng giữa các trường trung học phổ thông, kết quả cho thấy điểm trung bình lòng tự trọng của HS giữa các trường có sự chênh lệch nhất định. Trong đó HS của Trường THPT Lương Thế Vinh có mức lòng tự trọng trung bình cao hơn một chút so với hai trường còn lại. Tuy nhiên, sự khác biệt này không đáng kể. Điều này cho thấy mặc dù mỗi trường có thể có đặc điểm môi trường giáo dục khác nhau, nhưng nhìn chung mức độ lòng tự trọng của HS giữa các trường trong mẫu nghiên cứu không có sự khác biệt rõ rệt. Kết quả này gợi ý rằng các yếu

tổ cá nhân và mối quan hệ xã hội của HS có thể đóng vai trò quan trọng hơn so với sự khác biệt giữa các môi trường trường học.

- *Thực trạng lòng tự trọng của HS THPT theo khối lớp*

Ngoài ra, khi xem xét lòng tự trọng theo các khối lớp từ lớp 10 đến lớp 12, kết quả cho thấy HS lớp 12 có mức lòng tự trọng trung bình cao hơn so với HS lớp 10 và lớp 11. Tuy nhiên, sự khác biệt này không đạt mức ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Kết quả này có thể được lý giải dựa trên quá trình phát triển tâm lý của thanh thiếu niên. Theo Harter (2012), trong giai đoạn vị thành niên, lòng tự trọng của cá nhân có xu hướng dần ổn định và được hình thành rõ ràng hơn khi các em tích lũy thêm kinh nghiệm học tập, xã hội và nhận thức về bản thân. Tuy nhiên, sự phát triển này thường diễn ra từ từ và không phải lúc nào cũng thể hiện sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm tuổi gần nhau.

- *Thực trạng lòng tự trọng HS THPT theo giới tính*

Bên cạnh việc khảo sát thực trạng chung, nghiên cứu tiến hành kiểm định sự khác biệt về lòng tự trọng giữa nhóm HS nam và HS nữ thông qua kiểm định t-test cho hai mẫu độc lập. Kết quả được tổng hợp tại Bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng lòng tự trọng theo giới tính

	Giới tính	N	Mean	Std. Deviation	P
Tự đánh giá tích cực	Nam	72	1.84	0.390	0.951
	Nữ	134	1.83	0.390	
Tự đánh giá tiêu cực	Nam	72	1.60	0.401	0.534
	Nữ	134	1.76	0.431	

Dựa trên kết quả thống kê tại Bảng 2, chúng tôi đưa ra các nhận định sau:

Thứ nhất, không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về lòng tự trọng giữa nam và nữ. Kết quả kiểm định cho thấy giá trị P ở cả hai khía cạnh Tự đánh giá tích cực ( $p = 0,951$ ) và Tự đánh giá tiêu cực ( $p = 0,534$ ) đều lớn hơn ngưỡng ý nghĩa 0,05. Điều này khẳng định rằng giới tính không phải là nhân tố quyết định sự khác biệt về mức độ lòng tự trọng của HS THPT trong mẫu nghiên cứu này. Cả nam sinh và nữ sinh đều có xu hướng đánh giá bản thân ở mức độ tương đồng nhau.

Thứ hai, phân tích sự tương đồng ở khía cạnh tích cực. Điểm trung bình ở khía cạnh tích cực của nam ( $\text{ĐTB}=1,84$ ) và nữ ( $\text{ĐTB}=1,83$ ) gần như nhau. Điều này cho thấy trong môi trường giáo dục hiện đại, cả hai giới đều nhận được những cơ

hội ngang nhau trong việc khẳng định năng lực cá nhân, rèn luyện phẩm chất và xây dựng sự tự tin. Những kỳ vọng về vai trò giới truyền thống (như nam giới phải tự tin hơn) dường như không gây ra sự chênh lệch đáng kể trong nhận thức về giá trị tự thân của các em.

Thứ ba, sự biến động ở khía cạnh tiêu cực. Mặc dù không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ), nhưng số liệu cho thấy HS nữ có điểm trung bình ở khía cạnh tiêu cực ( $\text{ĐTB}=1,76$ ) cao hơn so với HS nam ( $\text{ĐTB}=1,60$ ). Điều này gợi mở một xu hướng nhẹ: các nữ sinh có thể nhạy cảm hơn trước các tác động tiêu cực hoặc có xu hướng suy nghĩ nhiều hơn về những điểm yếu của bản thân. Tuy nhiên, sự chênh lệch này chưa đủ lớn để tạo ra một khoảng cách có ý nghĩa về mặt khoa học trong phạm vi mẫu khảo sát này.

Bên cạnh việc xem xét sự khác biệt về lòng tự trọng giữa các nhóm HS, nghiên cứu cũng tiến hành phân tích mối quan hệ giữa lòng tự trọng và một số yếu tố tâm lý – xã hội khác trong môi trường học đường, chẳng hạn như thành tích học tập, số lượng bạn thân và trải nghiệm bắt nạt học đường. Những yếu tố này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển lòng tự trọng của HS. Các kết quả phân tích cụ thể về mối quan hệ giữa lòng tự trọng và các yếu tố này sẽ được trình bày trong phần tiếp theo.

### 2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới lòng tự trọng của HS THPT

Để kiểm tra mối liên hệ giữa lòng tự trọng và các yếu tố như xếp loại học tập, số lượng bạn thân và trải nghiệm bắt nạt học đường, nghiên cứu đã sử dụng hệ số tương quan Pearson ( $r$ ). Kết quả phân tích cho thấy mức độ lòng tự trọng của HS trung học phổ thông trong mẫu nghiên cứu nhìn chung không có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm nhân khẩu học khác nhau.

Kết quả cho thấy lòng tự trọng của HS trung học phổ thông có mối liên hệ với một số yếu tố trong môi trường học đường. Trong đó, bắt nạt học đường có mối tương quan nghịch với lòng tự trọng ( $r = -0.243, p < 0.01$ ), cho thấy HS càng trải nghiệm nhiều hành vi bắt nạt thì mức độ lòng tự trọng càng thấp. Điều này khẳng định rằng khi trải nghiệm bị bắt nạt học đường tăng lên, lòng tự trọng của HS có xu hướng sụt giảm nghiêm trọng. Những hành vi gây hấn, xúc phạm hoặc cô lập trong môi trường học đường đã trực tiếp tấn công vào hệ thống đánh giá giá trị tự thân, khiến HS hình thành những cảm xúc tiêu cực về chính mình. Mặt khác, có thể được lý giải bởi việc trải nghiệm các hành vi bắt nạt thường khiến HS cảm thấy bị từ chối, bị cô lập hoặc bị đánh giá thấp trong các mối quan hệ xã hội, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến cách các em nhìn nhận và đánh giá bản thân. Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây cho thấy những HS là nạn nhân của bắt nạt thường có mức lòng tự trọng thấp hơn đáng kể so với các HS khác (Hawker & Boulton, 2000). Ngoài ra, các nghiên cứu về bắt nạt học đường cũng chỉ ra rằng trải nghiệm bị bắt nạt có thể làm gia tăng cảm giác tự ti, lo âu và giảm sự tự tin ở HS, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển tâm lý của các em (Olweus, 1993).

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng bạn thân có mối tương quan thuận với lòng tự trọng ( $r = 0.200, p < 0.01$ ). Điều này cho thấy những HS có nhiều bạn thân hơn thường có xu

hướng có mức lòng tự trọng cao hơn. Việc có nhiều bạn thân cung cấp cho HS cảm giác được thuộc về, được thấu hiểu và công nhận. Đây chính là "nguồn vốn tâm lý" quan trọng giúp bồi đắp lòng tự trọng tích cực. Ngược lại, những HS có ít hoặc không có bạn thân dễ rơi vào trạng thái cô đơn, dẫn đến những đánh giá thấp về giá trị cá nhân trong các tương tác xã hội. Các mối quan hệ bạn bè tích cực có thể đóng vai trò như một nguồn hỗ trợ xã hội quan trọng, giúp HS cảm thấy được chấp nhận, được chia sẻ và được hỗ trợ về mặt cảm xúc trong môi trường học đường. Khi HS cảm thấy mình được chấp nhận trong nhóm bạn bè, các em có xu hướng hình thành những đánh giá tích cực hơn về bản thân. Theo Harter, sự chấp nhận của bạn bè và cảm giác thuộc về nhóm đồng đẳng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hình thành và củng cố lòng tự trọng của thanh thiếu niên (Harter, 2012).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy số lượng bạn thân có mối tương quan nghịch với bắt nạt học đường ( $r = -0.248, p < 0.01$ ). Điều này cho thấy những HS có nhiều bạn thân hơn thường ít trải nghiệm các hành vi bắt nạt hơn trong môi trường học đường. Điều này có thể được giải thích bởi việc có nhiều bạn bè giúp HS có được sự hỗ trợ và bảo vệ từ nhóm đồng đẳng, từ đó giảm nguy cơ trở thành nạn nhân của các hành vi bắt nạt. Theo một số nghiên cứu về bắt nạt học đường, mạng lưới quan hệ bạn bè đóng vai trò như một yếu tố bảo vệ quan trọng, giúp giảm khả năng HS bị cô lập hoặc trở thành mục tiêu của các hành vi bắt nạt (Salmivalli, 2010). Do đó, các mối quan hệ bạn bè tích cực không chỉ góp phần nâng cao lòng tự trọng mà còn giúp giảm thiểu các trải nghiệm tiêu cực trong môi trường học đường.

Đối với thành tích học tập, kết quả nghiên cứu cho thấy có mối liên hệ nhất định với lòng tự trọng, tuy nhiên mức độ liên hệ không cao. Điều này cho thấy mặc dù kết quả học tập có thể ảnh hưởng đến cách HS đánh giá bản thân, nhưng lòng tự trọng của các em không chỉ phụ thuộc vào thành tích học tập mà còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác trong môi trường xã hội và tâm lý. Một số nghiên cứu trước đây cũng cho rằng lòng tự trọng của thanh thiếu niên được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm sự hỗ trợ từ gia đình, mối quan hệ bạn bè và các trải nghiệm trong môi trường học đường (Harter, 2012). Vì vậy, việc xem xét lòng tự trọng của HS cần đặt trong bối cảnh tổng thể của các mối quan hệ xã hội và trải nghiệm cá nhân trong quá trình phát triển.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy lòng tự trọng của HS trung học phổ thông có mối liên hệ với nhiều yếu tố trong môi trường học đường, đặc biệt là trải nghiệm bắt nạt và các mối quan hệ bạn bè. Trong đó, bắt nạt học đường có mối liên hệ nghịch với lòng tự trọng, trong khi các mối quan hệ bạn bè tích cực có thể đóng vai trò như một yếu tố bảo vệ và góp phần nâng cao lòng tự trọng của HS.

### III. KẾT LUẬN

Lòng tự trọng của HS THPT tại thành phố Hải Phòng hiện nay đang ở mức độ trung bình. HS có xu hướng nhận thức tốt về phẩm chất và năng lực cá nhân nhưng lại bộc lộ nhu cầu mạnh mẽ về việc được tôn trọng và yêu thương bản thân nhiều hơn.

Giới tính, khối lớp và môi trường trường học cụ thể không phải là những nhân tố tạo nên sự khác biệt trọng yếu về lòng tự trọng trong mẫu

nghiên cứu. Điều này gợi ý rằng cấu trúc giá trị tự thân ở giai đoạn vị thành niên chịu ảnh hưởng bởi các đặc điểm tâm lý lứa tuổi chung hơn là các biến số nhân khẩu học đơn lẻ.

Trải nghiệm bắt nạt học đường là yếu tố nguy cơ hàng đầu gây sụt giảm lòng tự trọng. Những tổn thương từ việc bị cô lập hoặc gây hấn trực tiếp làm xói mòn niềm tin vào giá trị bản thân của HS.

Mối quan hệ bạn bè tích cực đóng vai trò là "nhân tố bảo vệ" quan trọng. Việc có mạng lưới bạn thân ổn định không chỉ giúp nâng cao lòng tự trọng mà còn giảm thiểu nguy cơ trở thành nạn nhân của bắt nạt học đường.

Nghiên cứu khuyến nghị các nhà trường và gia đình cần chú trọng xây dựng mạng lưới hỗ trợ xã hội lành mạnh và triển khai các chương trình phòng chống bắt nạt để bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển lòng tự trọng tối ưu cho HS.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Harter, S. (2012). *The construction of the self: Developmental and sociocultural foundations*. Guilford Press.
- Kernis, M. H. (2003). Toward a conceptualization of optimal self-esteem. *Psychological Inquiry*, 14(1), 1-26.
- Morf, C. C., & Rhodes, N. (2012). The two faces of self-esteem: The role of self-esteem stability and narcissism in self-protective processes. *Psychological Inquiry*.
- Orth, U., & Robins, R. W. (2014). The development of self-esteem. *Current Directions in Psychological Science*, 23(5), 381-387.
- Salmivalli, C. (2010). Bullying and the peer group: A review. *Aggression and Violent Behavior*, 15(2), 112-120.
- Trần Văn Công (2017). Thực trạng bắt nạt ở HS Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 3(4), 465-479.